

## **Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021



# Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Tổng Giám đốc	3
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	11 - 34

# Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 0301472704 do Sở Kế hoạch Đầu tư (SKHĐT) Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 8 năm 2005 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Công ty chuyển địa chỉ trụ sở chính từ 236/43/2 Điện Biên Phủ, Phường 17, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam đến Lô A1-9, Đường VL3, KCN Vĩnh Lộc 2, Xã Long Hiệp, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam theo GCNĐKKD số 0301472704 đăng ký thay đổi lần thứ 15 do SKHĐT tỉnh Long An cấp ngày 20 tháng 12 năm 2017. Công ty sau đó cũng nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi với lần sửa đổi gần nhất là lần thứ 21, được cấp ngày 20 tháng 3 năm 2020.

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“SGDCKHCM”) theo Giấy phép số 244/2010/QĐ-SGDHCM do SGDCKHCM cấp ngày 18 tháng 11 năm 2010.

Ngày 15 tháng 4 năm 2021, Công ty đã chuyển toàn bộ cổ phiếu được niêm yết tại SGDCKHCM sang Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (“SGDCKHN”) theo thông báo số 688/TB-SGDHCM của SGDCKHCM gửi ngày 5 tháng 4 năm 2021.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là thực hiện các hoạt động nông nghiệp và các hoạt động khác có liên quan, đầu tư tài chính và các dịch vụ liên quan khác.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Lô A1-9, Đường VL3, KCN Vĩnh Lộc 2, Xã Long Hiệp, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty có chi nhánh tại Tầng 15, Tòa nhà ICON4, 243A Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Trà My	Phó Chủ tịch
Bà Hà Thị Thanh Vân	Thành viên
Ông Michael Sng Beng Hock	Thành viên
Ông Đặng Kim Sơn	Thành viên
Ông Phạm Viết Muôn	Thành viên
Bà Nguyễn Vũ Thùy Hương	Thành viên
Ông Nguyễn Duy Khánh	Thành viên
Ông Manabu Ueda	Thành viên

### TIỂU BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Tiểu ban Kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Viết Muôn	Trưởng ban
Bà Nguyễn Vũ Thùy Hương	Thành viên
Ông Đặng Kim Sơn	Thành viên

### TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Bà Nguyễn Thị Trà My.

# Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

## **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Duy Hưng - Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Bà Nguyễn Thị Trà My được Ông Nguyễn Duy Hưng ủy quyền ký báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 theo Giấy Ủy quyền số A01-05/2018/UQ-PAN ngày 10 tháng 5 năm 2018.

## **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán của Công ty.

# Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

## BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

### TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng giai đoạn tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 đề ngày 19 tháng 8 năm 2021.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

Tổng Giám đốc:



Nguyễn Thị Trà My  
Tổng Giám đốc

Long An, Việt Nam

Ngày 19 tháng 8 năm 2021

Số tham chiếu: 61063721/22634103-LR

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN ("Công ty") được lập ngày 19 tháng 8 năm 2021 và được trình bày từ trang 6 đến trang 34 bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Tổng Giám đốc***

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### ***Kết luận của Kiểm toán viên***

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

### **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Trần Phú Sơn

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0637-2018-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 19 tháng 8 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>2.358.838.976.602</b>	<b>2.247.582.037.455</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>2.019.763.871.916</b>	<b>1.110.055.445.013</b>
111	1. Tiền		17.162.452.916	146.122.856.799
112	2. Các khoản tương đương tiền		2.002.601.419.000	963.932.588.214
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>-</b>	<b>150.795.000.000</b>
121	1. Chứng khoán kinh doanh		-	150.795.000.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>335.706.040.950</b>	<b>984.428.823.644</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	20.086.809.838	23.547.445.824
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	233.928.303	767.879.419
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	298.354.718.000	921.194.718.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	37.117.394.647	62.466.226.225
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5	(20.086.809.838)	(23.547.445.824)
<b>150</b>	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>3.369.063.736</b>	<b>2.302.768.798</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		639.804.396	542.695.307
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		293.633.992	293.633.992
153	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	12	2.435.625.348	1.466.439.499
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>3.595.864.333.518</b>	<b>2.748.401.763.380</b>
<b>210</b>	<b>I. Phải thu dài hạn</b>		<b>89.200.000</b>	<b>89.200.000</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	8	89.200.000	89.200.000
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>9</b>	<b>12.158.920.157</b>	<b>12.945.783.138</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình		12.158.920.157	12.945.783.138
222	Nguyên giá		26.359.896.097	26.359.896.097
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(14.200.975.940)	(13.414.112.959)
<b>250</b>	<b>III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>3.582.755.697.572</b>	<b>2.734.164.200.072</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con	10	3.582.755.697.572	2.734.164.200.072
<b>260</b>	<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>860.515.789</b>	<b>1.202.580.170</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		860.515.789	1.202.580.170
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>5.954.703.310.120</b>	<b>4.995.983.800.835</b>



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>3.023.784.970.797</b>	<b>1.964.818.059.783</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>1.904.107.443.693</b>	<b>847.816.959.151</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	692.555.974	886.887.290
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		208.308.899	208.308.899
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	242.247.119	342.554.500
314	4. Phải trả người lao động		13.263.687	8.163.687
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	13	25.248.840.112	25.284.547.556
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	14	5.810.944.857	4.158.230.138
320	7. Vay ngắn hạn	15	1.865.000.000.000	810.000.000.000
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		6.891.283.045	6.928.267.081
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>1.119.677.527.104</b>	<b>1.117.001.100.632</b>
338	1. Vay dài hạn	15	1.119.677.527.104	1.117.001.100.632
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>16</b>	<b>2.930.918.339.323</b>	<b>3.031.165.741.052</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>		<b>2.930.918.339.323</b>	<b>3.031.165.741.052</b>
411	1. Vốn cổ phần		2.163.585.800.000	2.163.585.800.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		2.163.585.800.000	2.163.585.800.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		904.770.143.351	904.770.143.351
415	3. Cổ phiếu quỹ		(167.828.836.328)	(167.828.836.328)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		11.513.798.268	11.513.798.268
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		18.877.434.032	119.124.835.761
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		10.447.460.761	7.611.547.012
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		8.429.973.271	111.513.288.749
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>5.954.703.310.120</b>	<b>4.995.983.800.835</b>

Trần Thị Trang  
Người lập biểu

Văn Thị Ngọc Ánh  
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Trà My  
Tổng Giám đốc

Long An, Việt Nam

Ngày 19 tháng 8 năm 2021

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
21	1. Doanh thu hoạt động tài chính	17	95.079.194.143	101.890.148.511
22 23	2. Chi phí tài chính <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	18	(73.712.937.459) (72.999.768.935)	(85.070.942.197) (84.963.102.558)
26	3. Chi phí quản lý doanh nghiệp	19	(12.936.453.621)	(17.907.421.887)
30	4. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		8.429.803.063	(1.088.215.573)
31	5. Thu nhập khác		170.208	-
40	6. Lợi nhuận khác		170.208	-
50	7. Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế		8.429.973.271	(1.088.215.573)
51	8. Thu nhập thuế TNDN hiện hành	20.1	-	2.406.487.448
60	9. Lợi nhuận sau thuế TNDN		8.429.973.271	1.318.271.875

Trần Thị Trang  
Người lập biểu

Long An, Việt Nam

Ngày 19 tháng 8 năm 2021

Văn Thị Ngọc Ánh  
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Trà My  
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
<b>01</b>	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
	<b>Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế</b>		<b>8.429.973.271</b>	<b>(1.088.215.573)</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình	9	786.862.981	789.787.463
03	Hoàn nhập các khoản dự phòng		(3.460.635.986)	-
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	17	(95.079.194.143)	(101.890.148.511)
06	Chi phí lãi vay	18	72.999.768.935	84.963.102.558
<b>08</b>	<b>Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>(16.323.224.942)</b>	<b>(17.225.474.063)</b>
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu		4.264.795.887	(1.565.149.038)
11	Giảm các khoản phải trả		(1.507.410.523)	(1.590.365.981)
12	Tăng chi phí trả trước		(7.193.181.694)	(8.106.507.116)
13	Giảm chứng khoán kinh doanh		150.795.000.000	-
14	Tiền lãi vay đã trả		(62.075.232.876)	(74.443.342.466)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	10	(969.185.849)	-
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.266.984.037)	(586.248.343)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động kinh doanh</b>		<b>64.724.575.966</b>	<b>(103.517.087.007)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		-	(141.389.500)
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(58.800.000.000)	(30.000.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		681.640.000.000	133.000.000.000
25	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác		(848.591.497.500)	-
27	Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia		120.157.816.937	63.003.529.159
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động tài chính</b>		<b>(105.593.680.563)</b>	<b>165.862.139.659</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
32	Tiền mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	(165.348.836.328)
33	Tiền thu từ đi vay		1.875.000.000.000	1.500.000.000.000
34	Tiền trả nợ gốc vay		(820.000.000.000)	(630.000.000.000)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu		(104.422.468.500)	-
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>950.577.531.500</b>	<b>704.651.163.672</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		909.708.426.903	766.996.216.324
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		1.110.055.445.013	992.635.832.802
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	2.019.763.871.916	1.759.632.049.126



Trần Thị Trang  
Người lập biểu

Long An, Việt Nam

Ngày 19 tháng 8 năm 2021



Văn Thị Ngọc Ánh  
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Trà My  
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 0301472704 do Sở Kế hoạch Đầu tư (SKHĐT) Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 8 năm 2005 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Công ty chuyển địa chỉ trụ sở chính từ 236/43/2 Điện Biên Phủ, Phường 17, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam đến Lô A1-9, Đường VL3, KCN Vĩnh Lộc 2, Xã Long Hiệp, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam theo GCNĐKKD số 0301472704 đăng ký thay đổi lần thứ 15 do SKHĐT tỉnh Long An cấp ngày 20 tháng 12 năm 2017. Công ty sau đó cũng nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi với lần sửa đổi gần nhất là lần thứ 21, được cấp ngày 20 tháng 3 năm 2020.

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“SGDCKHCM”) theo Giấy phép số 244/2010/QĐ-SGDHCM do SGDCKHCM cấp ngày 18 tháng 11 năm 2010.

Ngày 15 tháng 4 năm 2021, Công ty đã chuyển toàn bộ cổ phiếu được niêm yết tại SGDCKHCM sang Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo thông báo số 688/TB-SGDHCM gửi ngày 5 tháng 4 năm 2021 của SGDCKHCM.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là thực hiện các hoạt động nông nghiệp và các hoạt động khác có liên quan, đầu tư tài chính và các dịch vụ liên quan khác.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Lô A1-9, Đường VL3, KCN Vĩnh Lộc 2, Xã Long Hiệp, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có chi nhánh tại Tầng 15, Tòa nhà ICON4, 243A Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 là: 18 (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 16).

**Cơ cấu tổ chức**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty có 8 công ty con sở hữu trực tiếp và 17 công ty con sở hữu gián tiếp được trình bày như sau:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh
<b>Các công ty con sở hữu trực tiếp</b>					
1	Công ty Cổ phần Pan Farm (“Công ty PAN Farm”)	81,91	81,91	Quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam	Thực hiện trồng trọt và chăn nuôi hỗn hợp
2	Công ty Cổ phần Thực phẩm PAN (“Công ty PAN Food”)	99,99	99,99	Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam	Nuôi trồng, chế biến và kinh doanh nông lâm thủy hải sản; kinh doanh thực phẩm và các hoạt động tư vấn đầu tư
3	Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta (“Công ty FMC”)	64,87	61,89	Thị xã Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam	Nuôi trồng, chế biến, bảo quản thủy sản; mua bán lương thực, thực phẩm, nông sản sơ chế và sản xuất, xuất khẩu tiêu thụ hàng nông sản
4	Công ty Cổ phần Phối Hàng tiêu dùng PAN (“Công ty PAN CG”)	99,99	99,99	Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam	Bán buôn thực phẩm



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)**

**Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)**

STT	Tên công ty	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh
<b>Các công ty con sở hữu trực tiếp</b>					
5	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Bến Tre ("Công ty ABT")	78,33	78,33	Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam	Nuôi trồng, chế biến và xuất khẩu thủy sản; chế biến thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản
6	Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An ("Công ty LAF")	80,52	80,52	Thành phố Tân An, Tỉnh Long An, Việt Nam	Gia công, sản xuất, chế biến và kinh doanh hàng nông sản; và dịch vụ cho thuê kho bãi
7	Công ty Cổ phần Thực phẩm Khang An ("Công ty KAC")	80,11	60,47	Huyện An Thành, Tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam	Nuôi trồng, chế biến, bảo quản thủy sản; mua bán lương thực, thực phẩm, nông sản sơ chế và sản xuất, xuất khẩu tiêu thụ hàng nông sản
8	Công ty Cổ phần Cà phê Golden Beans ("Công ty Golden Beans")	79,60	79,60	497/23 Sư Vạn Hạnh, Phường 12, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Bán buôn thực phẩm, nông lâm sản, và trồng cây cà phê
<b>Các công ty con sở hữu gián tiếp</b>					
1	Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm PAN	99,97	99,96	Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam	Thực hiện các hoạt động nông nghiệp, thực phẩm và các hoạt động khác có liên quan
2	Công ty Cổ phần PAN-HULIC ("PHJSC")	50,97	41,76	Huyện Lâm Hà, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh rau, hoa quả và các sản phẩm nông nghiệp khác
3	Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Giống Cây Trồng Việt Nam ("Vinaseed")	80,04	65,57	Quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam	Nghiên cứu, chọn tạo, sản xuất, kinh doanh và xuất nhập khẩu các loại giống cây trồng nông, lâm nghiệp; sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu các loại nông sản và vật tư nông nghiệp
4	Công ty Cổ phần Thủy sản 584 Nha Trang ("584NT")	73,45	73,44	584 Đường Lê Hồng Phong, Phường Phước Long, Thành phố Nha Trang, Việt Nam	Kiểm nghiệm chất lượng chế biến bảo quản thủy sản, và các sản phẩm từ thủy sản
5	Công ty Cổ phần Bibica ("BBC")	50,07	50,06	Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất, mua bán các sản phẩm đường, bánh kẹo, nha, rượu (thức uống có cồn), bột dinh dưỡng, sữa và các sản phẩm từ sữa, sữa đậu nành, nước giải khát, bột giải khát (không sản xuất tại trụ sở Công ty) và kinh doanh bất động sản

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

**Cơ cấu tổ chức** (tiếp theo)

STT	Tên công ty	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh
<b>Các công ty sở hữu gián tiếp qua Công ty Vinaseed</b>					
1	Công ty Cổ phần Giống cây trồng Hà Tây ("HSC")	53,80	35,28	Quận Hà Đông, Hà Nội, Việt Nam	Sản xuất, kinh doanh các loại giống cây trồng và cung cấp dịch vụ kho vận
2	Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam ("SSC")	96,41	63,22	Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh, và xuất nhập khẩu giống cây trồng các loại
3	Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương Quảng Nam	90,02	59,03	Thị xã Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam	Cung cấp dịch vụ trồng trọt, bán buôn nông, lâm sản, nguyên vật liệu và động vật sống, chế biến nông lâm sản, mua bán vật tư phục vụ nông nghiệp
4	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao Hà Nam	94,00	61,63	Huyện Lý Nhân, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh các loại dưa và rau quả
5	Công ty TNHH Lúa gạo Việt Nam	100	64,86	Huyện Tháp Mười, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam	Chế biến hạt giống và chế biến nông sản
<b>Các công ty sở hữu gián tiếp qua Công ty BBC</b>					
1	Công ty TNHH Một thành viên Bibica Miền Đông	100	50,06	Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh đường, bánh kẹo, chiết xuất bã, rượu, bột dinh dưỡng, sữa và các sản phẩm sữa, sữa đậu nành và nước giải khát
2	Công ty TNHH Bibica Miền Bắc	100	50,06	Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh đường, bánh kẹo, chiết xuất bã, rượu, bột dinh dưỡng, sữa và các sản phẩm sữa, sữa đậu nành và nước giải khát
3	Công ty TNHH Một thành viên Bibica Hà Nội	100	50,06	Quận Long Biên, Hà Nội, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh đường, bánh kẹo, chiết xuất bã, rượu, bột dinh dưỡng, sữa và các sản phẩm sữa, sữa đậu nành và nước giải khát
4	Công ty TNHH Một thành viên Bibica Biên Hòa	100	50,06	Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh đường, bánh kẹo, chiết xuất bã, rượu, bột dinh dưỡng, sữa và các sản phẩm sữa, sữa đậu nành và nước giải khát
5	Công ty TNHH Một thành viên Bibica Miền Tây	100	50,06	Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh đường, bánh kẹo, chiết xuất bã, rượu, bột dinh dưỡng, sữa và các sản phẩm sữa, sữa đậu nành và nước giải khát

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)**

**Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)**

STT	Tên công ty	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh
-----	-------------	----------------------------	-------------------------	---------	-----------------------

**Các công ty sở hữu gián tiếp qua Công ty ABT**

1	Công ty TNHH Thủy sản Công nghệ cao Aquatex Bentre ("ABT High-Tech")	100	78,32	Ấp 9 (thửa đất số 113, tờ bản đồ số 09), Xã Tân Thạch, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam	Nuôi trồng thủy sản nội địa; nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp; và hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác.
---	--	-----	-------	---	--

**Các công ty sở hữu gián tiếp qua Công ty 584NT**

1	Công ty Cổ phần Thủy sản 584 Cà Ná	99,80	73,29	Cảng cá Cà Ná mở rộng, Xã Cà Ná, Huyện Thuận Nam, Tỉnh Ninh Thuận	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản
---	------------------------------------	-------	-------	---	---

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

**2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 9. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 đề ngày 19 tháng 8 năm 2021.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

**2.2 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng Việt Nam đồng ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**

**2.2 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng (tiếp theo)**

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

**2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

**2.4 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**3.2 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

**3.3 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.4 Khấu hao**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của mỗi tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 25 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 8 năm
Tài sản khác	3 - 8 năm

**3.5 Các khoản đầu tư**

*Đầu tư vào công ty con*

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Dự phòng giảm giá đầu tư*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

**3.6 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

**3.7 Thuê tài sản**

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn của hợp đồng thuê.

**3.8 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.9 Cổ phiếu quỹ**

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

**3.10 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

*Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

*Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

**3.11 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Thu nhập tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

**3.12 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.12 Thuế (tiếp theo)

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết khi công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.13 Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>
Tiền mặt	192.130.000	113.368.000
Tiền gửi ngân hàng	16.970.322.916	146.009.488.799
Các khoản tương đương tiền (*)	<u>2.002.601.419.000</u>	<u>963.932.588.214</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>2.019.763.871.916</u></b>	<b><u>1.110.055.445.013</u></b>

(\*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản đầu tư vào chứng chỉ tiền gửi tại các ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất từ 4,9%/năm đến 5,1%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 4,9%/năm đến 5,0%/năm).

Như được trình bày ở Thuyết minh số 13.1, các chứng chỉ tiền gửi này được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn ngân hàng của Công ty.

**5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>
Công ty Cổ phần Thương mại Xây dựng Dịch vụ Phúc Bảo Minh	<u>20.086.809.838</u>	<u>23.547.445.824</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>20.086.809.838</u></b>	<b><u>23.547.445.824</u></b>
Dự phòng giảm giá phải thu ngắn hạn của khách hàng khó đòi	<u>(20.086.809.838)</u>	<u>(23.547.445.824)</u>
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>-</u></b>

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng khó đòi:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
Số đầu kỳ	23.547.445.824	24.311.743.892
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	<u>(3.460.635.986)</u>	<u>-</u>
Số cuối kỳ	<u>20.086.809.838</u>	<u>24.311.743.892</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Trả trước cho các bên khác	233.928.303	767.879.419
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>233.928.303</b>	<b>767.879.419</b>

**7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Đơn vị tính: VND		
Phải thu về cho vay ngắn hạn từ các bên liên quan (Thuyết minh số 21)	195.000.000.000	817.840.000.000
Phải thu về cho vay ngắn hạn từ các bên khác (*)	103.354.718.000	103.354.718.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>298.354.718.000</b>	<b>921.194.718.000</b>

(\*) Chi tiết các khoản cho các bên khác vay như sau:

Bên vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Kỳ hạn	Lãi suất %/năm	Tài sản đảm bảo
Công ty Cổ phần Dịch vụ Đầu tư Feta	51.677.359.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2021	5,5	Chứng khoán trên danh mục đầu tư của Bên vay
Công ty Cổ phần Đầu tư Đường Mặt Trời	51.677.359.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2021	5,5	Chứng khoán trên danh mục đầu tư của Bên vay
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>103.354.718.000</b>			

**8. PHẢI THU KHÁC**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Đơn vị tính: VND		
<b>Ngắn hạn</b>		
Lãi cho vay	10.128.093.137	58.852.094.701
Lãi tiền gửi	26.334.420.662	2.689.041.891
Ký quỹ	581.638.000	590.504.666
Tạm ứng nhân viên	73.242.848	334.584.967
	<b>37.117.394.647</b>	<b>62.466.226.225</b>
<b>Dài hạn</b>		
Ký quỹ	89.200.000	89.200.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>37.206.594.647</b>	<b>62.555.426.225</b>
Trong đó:		
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 21)	7.279.381.403	59.075.671.313
Phải thu từ các bên khác	29.927.213.244	3.479.754.912

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản khác	Đơn vị tính: VND
<b>Nguyên giá:</b>					
Ngày 31 tháng 12 năm 2020	13.778.633.885	11.514.060.062	874.811.650	192.390.500	26.359.896.097
Ngày 30 tháng 6 năm 2021	13.778.633.885	11.514.060.062	874.811.650	192.390.500	26.359.896.097
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết</i>	4.511.889.599	644.151.180	408.582.150	-	5.564.622.929
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>					
Ngày 31 tháng 12 năm 2020	(8.819.802.244)	(3.970.912.365)	(590.219.778)	(33.178.572)	(13.414.112.959)
Khấu hao trong kỳ	(185.956.188)	(539.747.185)	(41.920.560)	(19.239.048)	(786.862.981)
Ngày 30 tháng 6 năm 2021	(9.005.758.432)	(4.510.659.550)	(632.140.338)	(52.417.620)	(14.200.975.940)
<b>Giá trị còn lại:</b>					
Ngày 31 tháng 12 năm 2020	4.958.831.641	7.543.147.697	284.591.872	159.211.928	12.945.783.138
Ngày 30 tháng 6 năm 2021	4.772.875.453	7.003.400.512	242.671.312	139.972.880	12.158.920.157

## Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021		Ngày 31 tháng 12 năm 2020	
	Giá trị đầu tư VND	Tỷ lệ vốn nắm giữ trực tiếp %	Giá trị đầu tư VND	Tỷ lệ vốn nắm giữ trực tiếp %
Công ty PAN Foods	999.900.000.000	99,99	999.900.000.000	99,99
Công ty PAN Farm	999.900.000.000	81,91	999.900.000.000	81,91
Công ty FMC (i)	818.294.451.072	51,12	474.184.200.072	35,80
Công ty ABT (ii)	238.253.620.500	78,33	-	-
Công ty PAN CG	199.980.000.000	99,99	199.980.000.000	99,99
Công ty LAF (iii)	166.227.626.000	80,52	-	-
Công ty KAC (iv)	100.000.000.000	28,60	-	-
Công ty Golden Beans	60.200.000.000	79,59	60.200.000.000	79,59
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.582.755.697.572</b>		<b>2.734.164.200.072</b>	

(i) Trong tháng 3 năm 2021, Công ty đã thực hiện mua thành công 6.565.288 cổ phiếu của Công ty FMC với tổng giá phí 164.132.200.000 VND, qua đó nâng tỷ lệ nắm giữ vốn trực tiếp lên 40,99% cổ phần của công ty FMC. Trong tháng 5 năm 2021, Công ty đã hoàn tất việc nhận chuyển nhượng 10,13% cổ phần tại Công ty FMC từ Công ty PAN Foods với tổng giá phí là 179.978.051.000 VND. Theo đó, Công ty FMC trở thành công ty con sở hữu trực tiếp của Công ty.

(ii) Trong tháng 5 năm 2021, Công ty đã hoàn tất việc nhận chuyển nhượng 78,33% cổ phần tại Công ty ABT từ Công ty PAN Foods với tổng giá phí là 238.253.620.500 VND. Theo đó, Công ty ABT trở thành công ty con sở hữu trực tiếp của Công ty.

(iii) Trong tháng 5 năm 2021, Công ty đã hoàn tất việc nhận chuyển nhượng 80,52% cổ phần tại Công ty LAF từ Công ty PAN Foods với tổng giá phí là 166.227.626.000 VND. Theo đó, Công ty LAF trở thành công ty con sở hữu trực tiếp của Công ty.

(iv) Trong tháng 3 năm 2021, Công ty đã thực hiện góp vốn 100 tỷ VND vào Công ty KAC tương đương với 28,6% cổ phần tại công ty này.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>
Phải trả cho các bên khác	497.965.974	620.171.190
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 21)	194.590.000	266.716.100
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>692.555.974</b>	<b>886.887.290</b>

**12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>	<i>Số đã nộp trong kỳ</i>	<i>Số đã cần trừ trong kỳ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
<b>Phải thu</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.437.319.924	969.185.849	-	2.406.505.773
Khác	29.119.575	5.000.000	(5.000.000)	29.119.575
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.466.439.499</b>	<b>974.185.849</b>	<b>(5.000.000)</b>	<b>2.435.625.348</b>
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>	<i>Số phải nộp trong kỳ</i>	<i>Số đã nộp trong kỳ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
<b>Phải nộp</b>				
Thuế thu nhập cá nhân	342.554.500	3.430.525.865	(3.530.833.246)	242.247.119
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>342.554.500</b>	<b>3.430.525.865</b>	<b>(3.530.833.246)</b>	<b>242.247.119</b>

**13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>
Lãi trái phiếu	23.682.630.138	23.682.630.138
Khác	1.566.209.974	1.601.917.418
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>25.248.840.112</b>	<b>25.284.547.556</b>

**14. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>
Bảo hiểm và kinh phí công đoàn	92.780.076	92.780.076
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 21)	617.808.219	450.000.000
Phải trả khác	5.100.356.562	3.615.450.062
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>5.810.944.857</b>	<b>4.158.230.138</b>

## Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 15. VAY

	Ngày 31 tháng 12 năm 2020	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Đơn vị tính: VND Ngày 30 tháng 6 năm 2021
<b>Ngắn hạn</b>	<b>810.000.000.000</b>	<b>1.875.000.000.000</b>	<b>(820.000.000.000)</b>	<b>1.865.000.000.000</b>
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 15.1)	810.000.000.000	1.800.000.000.000	(810.000.000.000)	1.800.000.000.000
Vay đối tượng khác (Thuyết minh số 15.2)	-	40.000.000.000	-	40.000.000.000
Vay các bên liên quan (Thuyết minh số 21)	-	35.000.000.000	(10.000.000.000)	25.000.000.000
<b>Dài hạn</b>	<b>1.117.001.100.632</b>	<b>(7.438.136.986)</b>	<b>10.114.563.458</b>	<b>1.119.677.527.104</b>
Trái phiếu phát hành (Thuyết minh số 15.3)	1.135.000.000.000	-	-	1.135.000.000.000
Chi phí phát hành (Thuyết minh số 15.3)	(17.998.899.368)	(7.438.136.986)	10.114.563.458	(15.322.472.896)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.927.001.100.632</b>	<b>1.867.561.863.014</b>	<b>(809.885.436.542)</b>	<b>2.984.677.527.104</b>

#### 15.1 Vay ngắn hạn ngân hàng

Công ty sử dụng khoản vay này để đầu tư chứng chỉ tiền gửi tại các tổ chức tín dụng (ngoại trừ cổ phiếu, trái phiếu doanh nghiệp). Chi tiết như sau:

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Sở giao dịch	810.000.000.000	Ngày 11 tháng 9 năm 2021	3,7	Chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Thuyết minh số 4)
	630.000.000.000	Ngày 19 tháng 7 năm 2021	3,7	
	360.000.000.000	Ngày 28 tháng 12 năm 2021	3,4	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.800.000.000.000</b>			

## Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 15. VAY (tiếp theo)

#### 15.2 Vay ngắn hạn đối tượng khác

Công ty	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất (%/năm)	Đơn vị tính: VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Đường Mặt Trời	40.000.000.000	Ngày 17 tháng 8 năm 2021	10	15.343.653 cổ phiếu mã FMC tại SSI
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>40.000.000.000</b>			Hình thức đảm bảo

#### 15.3 Trái phiếu phát hành

Công ty đã thông qua Nghị quyết số 01-09/2018/NQ-HDQT của Hội đồng quản trị vào ngày 3 tháng 9 năm 2018 về việc phát hành trái phiếu với số lượng phát hành là 1.135 trái phiếu, mệnh giá 1.000.000.000 VND/trái phiếu, lãi suất 6,8%/năm, ngày đáo hạn là ngày 10 tháng 9 năm 2023. Đại lý phát hành và bảo lãnh là Credit Guarantee and Investment Facility (CGIF), là một quỹ tin thác của Ngân hàng Phát triển Châu Á.

Trái chủ	Ngày 30 tháng 6 năm 2021			Hình thức đảm bảo
	Giá trị	Lãi suất/năm	Kỳ hạn	
Công ty TNHH Manulife (Việt Nam)	845.000.000.000	6,8%	5 năm	7.720.577 cổ phần của công ty thành viên
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ AIA (Việt Nam)	170.000.000.000	6,8%	5 năm	7.720.577 cổ phần của công ty thành viên
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Hanwha Life Việt Nam	75.000.000.000	6,8%	5 năm	7.720.577 cổ phần của công ty thành viên
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Sun Life Việt Nam	45.000.000.000	6,8%	5 năm	7.720.577 cổ phần của công ty thành viên
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.135.000.000.000</b>			
Chi phí phát hành	(15.322.472.896)			
<b>Giá trị thuần</b>	<b>1.119.677.527.104</b>			

# Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

### 16.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</b>						
Ngày 31 tháng 12 năm 2019	1.731.011.410.000	1.337.369.533.351	(690.000.000)	11.513.798.268	9.849.163.999	3.089.053.905.618
Tăng vốn trong kỳ	432.574.390.000	(432.599.390.000)	-	-	-	(25.000.000)
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(165.348.836.328)	-	-	(165.348.836.328)
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	1.318.271.875	1.318.271.875
Trích thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát	-	-	-	-	(2.000.000.000)	(2.000.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(237.616.987)	(237.616.987)
Ngày 30 tháng 6 năm 2020	2.163.585.800.000	904.770.143.351	(166.038.836.328)	11.513.798.268	8.929.818.887	2.922.760.724.178
<b>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</b>						
Ngày 31 tháng 12 năm 2020	2.163.585.800.000	904.770.143.351	(167.828.836.328)	11.513.798.268	119.124.835.761	3.031.165.741.052
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	8.429.973.271	8.429.973.271
Trích thù lao HĐQT, BKS (*)	-	-	-	-	(2.000.000.000)	(2.000.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	-	(2.230.000.000)	(2.230.000.000)
Chia cổ tức (*)	-	-	-	-	(104.447.375.000)	(104.447.375.000)
Ngày 30 tháng 6 năm 2021	2.163.585.800.000	904.770.143.351	(167.828.836.328)	11.513.798.268	18.877.434.032	2.930.918.339.323

(\*) Việc chia cổ tức, trích thù lao HĐQT, BKS và trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2020 được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01-04/2021/NQ-DHCCĐ của Công ty ngày 23 tháng 4 năm 2021.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**16. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)

**16.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>		
Số đầu kỳ	2.163.585.800.000	1.731.011.410.000
Tăng trong kỳ	-	432.574.390.000
Số cuối kỳ	<b>2.163.585.800.000</b>	<b>2.163.585.800.000</b>
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã công bố</b>	<b>104.447.375.000</b>	-
<i>Cổ tức bằng tiền cho năm 2020: 500 VND/cổ phiếu</i>	<i>104.447.375.000</i>	-
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã trả</b>	<b>104.422.468.500</b>	-

**16.3 Cổ phiếu**

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>
	<i>Số cổ phần</i>	<i>Số cổ phần</i>
<b>Cổ phiếu đã được duyệt</b>	216.358.580	216.358.580
<b>Cổ phiếu đã phát hành</b> <i>Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ</i>		
Cổ phiếu phổ thông	216.358.580	216.358.580
<b>Cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)</b> Cổ phiếu phổ thông	(7.463.830)	(7.463.830)
<b>Cổ phiếu đang lưu hành</b> Cổ phiếu phổ thông	208.894.750	208.894.750

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 10.000 VND/cổ phiếu).\_\_

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**17. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
Thu nhập từ cổ tức	35.113.460.000	30.795.791.000
Lãi tiền gửi	25.806.597.515	34.522.921.570
Lãi cho vay	23.583.854.628	16.568.860.273
Lãi chuyển nhượng các loại giấy tờ có giá	10.575.282.000	20.001.877.000
Khác	-	698.668
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>95.079.194.143</u></b>	<b><u>101.890.148.511</u></b>

**18. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
Chi phí lãi vay	62.885.205.477	74.792.657.534
Chi phí phát hành trái phiếu	10.114.563.458	10.170.445.024
Khác	713.168.524	107.839.639
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>73.712.937.459</u></b>	<b><u>85.070.942.197</u></b>

**19. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.054.857.057	11.165.375.828
Chi phí nhân viên	6.529.206.681	5.630.060.800
Chi phí khấu hao ( <i>Thuyết minh số 8</i> )	786.862.981	789.787.463
Hoàn nhập dự phòng	(3.460.635.986)	-
Khác	26.162.888	322.197.796
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>12.936.453.621</u></b>	<b><u>17.907.421.887</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 20. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với mức thuế suất bằng 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

### 20.1 Chi phí thuế TNDN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
Điều chỉnh thuế TNDN trích thừa trong những năm trước	-	(2.406.487.448)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>-</b>	<b>(2.406.487.448)</b>

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
<b>Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế</b>	<b>8.429.973.271</b>	<b>(1.088.215.573)</b>
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	1.685.994.654	(217.643.115)
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí lãi vay không được trừ	2.752.304.388	4.760.208.558
Chi phí không được khấu trừ	219.012.288	83.830.248
Thu nhập từ cổ tức	(7.022.692.000)	(6.159.158.200)
Điều chỉnh thuế TNDN trích thừa trong những năm trước	-	(2.406.487.448)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận từ lỗ tính thuế	2.365.380.670	1.532.762.509
<b>Thu nhập thuế TNDN</b>	<b>-</b>	<b>(2.406.487.448)</b>

### 20.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ kế toán khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**20. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**20.3 Lỗi thuế chuyển sang từ năm trước**

Công ty được phép chuyển khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 (năm) năm liên tục kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty có khoản lỗ lũy kế là 11.826.903.346 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty không có khoản lỗ lũy kế). Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế (*)	Đơn vị tính: VND	
			Đã chuyển lỗ đến ngày 30 tháng 6 năm 2021	Chưa chuyển lỗ vào ngày 30 tháng 6 năm 2021
2021	2026	(11.826.903.346)	-	- (11.826.903.346)
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>(11.826.903.346)</b>	<b>-</b>	<b>- (11.826.903.346)</b>

(\*) Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản lỗ lũy kế này do chưa dự tính được chắc chắn lợi nhuận chịu thuế trong tương lai.



## Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 21. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 và 30 tháng 6 năm 2020 bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020	Đơn vị tính: VND
Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI	Cổ đồng	Lãi chuyển nhượng chứng chỉ tiền gửi Lãi tiền gửi Phí dịch vụ	10.575.282.000 1.838.285.132 702.888.524	20.001.877.000 3.087.586.752 56.785.217	
Công ty PAN CG	Công ty con	Cho vay Lãi cho vay Đi vay Trả gốc vay Lãi đi vay	- - 35.000.000.000 10.000.000.000 185.616.438	30.000.000.000 18.876.713 -	
Công ty FMC	Công ty con	Cổ tức Mua cổ phần	35.113.460.000 164.132.200.000	17.556.730.000 -	
Công ty PAN Food	Công ty con	Lãi cho vay Cho vay Thu hồi khoản cho vay Nhận chuyển nhượng cổ phần	12.955.467.733 3.800.000.000 514.640.000.000 583.847.741.500	16.549.983.560 -	
Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam	Công ty liên kết	Cổ tức	-	13.239.061.000	
Công ty Golden Beans	Công ty con	Đi vay Lãi đi vay Thanh toán khoản vay	11.000.000.000 27.123.288 11.000.000.000	- -	
Công ty PAN Farm	Công ty con	Cho vay Lãi cho vay Thu hồi khoản cho vay	40.000.000.000 6.983.191.781 152.000.000.000	- -	
Công ty KAC	Công ty con	Góp vốn	100.000.000.000	-	
Công ty Cổ phần CSC Việt Nam	Cổ đồng	Phí dịch vụ Mua hàng hóa	254.895.300 -	99.080.344 778.980.009	

## Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 21. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020	Đơn vị tính: VND
<b>Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh số 7)</b>					
Công ty PAN Farm	Công ty con	Cho vay	195.000.000.000	307.000.000.000	
Công ty PAN Food	Công ty con	Cho vay	-	510.840.000.000	
			<b>195.000.000.000</b>	<b>817.840.000.000</b>	
Chi tiết khoản cho vay như sau:					
Hợp đồng	Số cuối năm	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất (%/ năm)	Hình thức đảm bảo	
12/2020/HDTD/PAN-PF	195.000.000.000	22 tháng 12 năm 2021	5,5%	Tin chấp	
<b>Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 8)</b>					
Công ty PAN Food	Công ty con	Lãi dự thu	2.522.167.704	58.280.473.971	
Công ty PAN Farm	Công ty con	Lãi dự thu	4.678.013.699	462.602.740	
Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI	Cổ đồng	Lãi dự thu	-	253.394.602	
			<b>7.200.181.403</b>	<b>58.996.471.313</b>	

## Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 21. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
<b>Phải thu dài hạn khác (Thuyết minh số 8)</b>				
Hà Thị Thanh Vân	Thành viên HĐQT	Đặt cọc thuê văn phòng	79.200.000	79.200.000
			<b>79.200.000</b>	<b>79.200.000</b>
<b>Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 11)</b>				
Công ty Cổ phần CSC Việt Nam	Cổ đông	Mua hàng hóa	194.590.000	58.816.100
Công ty TNHH Tư vấn NDH	Bên liên quan khác	Phí dịch vụ	-	207.900.000
			<b>194.590.000</b>	<b>266.716.100</b>
<b>Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 14)</b>				
Michael Sng Beng Hock	Thành viên HĐQT	Thù lao HĐQT	450.000.000	450.000.000
Công ty PAN CG	Công ty con	Lãi vay phải trả	167.808.219	-
			<b>617.808.219</b>	<b>450.000.000</b>
<b>Vay ngắn hạn (Thuyết minh số 15)</b>				
Công ty PAN CG	Công ty con	Đi vay	25.000.000.000	-
			<b>25.000.000.000</b>	-
Chi tiết khoản vay như sau:				
Hợp đồng	Số cuối năm	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất/ năm	Hình thức đảm bảo
01/2021/HĐTĐ/PANCG-PAN	25.000.000.000	31 tháng 7 năm 2021	5%	Tin chấp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**21. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Tiền lương	1.835.000.000	1.380.000.000
Khác	540.000.000	810.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>2.375.000.000</u></b>	<b><u>2.190.000.000</u></b>

**22. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Công ty hiện đang thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

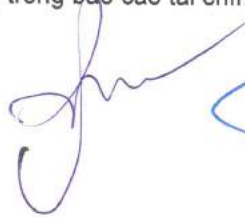
	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>
Dưới 1 năm	<u>1.148.515.000</u>	<u>2.261.066.941</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.148.515.000</u></b>	<b><u>2.261.066.941</u></b>

**23. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.



Trần Thị Trang  
Người lập biểu



Văn Thị Ngọc Ánh  
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Trà My  
Tổng Giám đốc

Long An, Việt Nam

Ngày 19 tháng 8 năm 2021